

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

30  
C  
IAC  
EM  
T  
NG

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 36

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29 tháng 5 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0383.791.777
- Fax : 0383.791.555
- Mã số thuế 2 9 0 0 8 5 9 5 9 9

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Khai thác đá, cát sỏi, đất sét;
- Mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn các loại;
- Bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Chương	Ủy viên	26 tháng 4 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	26 tháng 4 năm 2013

**Ban điều hành, quản lý**

Giám đốc của Công ty là Ông Hoàng Trọng Diên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2007).

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Trọng Diên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2007).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Trách nhiệm của Giám đốc**

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc phải:

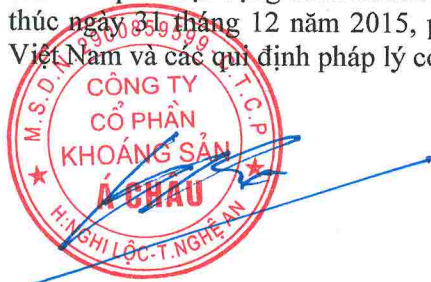
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Hoàng Trọng Diên**  
Giám đốc

Ngày 11 tháng 8 năm 2015

15-C  
NHÀ  
NG T  
IEM H  
N VÀ  
& C  
HÀ N  
3 - T



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 348/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2015, từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>39.089.160.495</b>	<b>36.621.047.827</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.116.864.399</b>	<b>7.146.535.931</b>
1. Tiền	111		8.116.864.399	7.146.535.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.586.428.541</b>	<b>14.174.348.696</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18.369.140.690	13.936.921.621
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.139.222.000	10.175.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.547.493.089	227.252.075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(469.427.238)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.611.754.334</b>	<b>12.668.681.333</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.611.754.334	12.668.681.333
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>774.113.221</b>	<b>2.631.481.867</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	459.908.570	329.154.170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		303.789.670	2.302.327.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	10.414.981	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43.624.585.897</b>	<b>41.782.748.177</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.977.037.961</b>	<b>36.815.002.061</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	34.287.936.122	36.098.336.150
Nguyên giá	222		57.684.495.655	57.270.586.564
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.396.559.533)	(21.172.250.414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	689.101.839	716.665.911
Nguyên giá	228		1.134.381.101	1.134.381.101
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(445.279.262)	(417.715.190)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>7.865.887.306</b>	<b>3.938.706.727</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.865.887.306	3.938.706.727
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>781.660.630</b>	<b>1.029.039.389</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	781.660.630	1.029.039.389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>82.713.746.392</b>	<b>78.403.796.004</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.644.984.171</b>	<b>32.611.485.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.491.939.171</b>	<b>28.942.256.069</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.133.930.740	13.066.006.877
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	205.726.500	42.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	374.311.618	176.204.416
4. Phải trả người lao động	314		2.620.669.576	3.896.326.121
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	563.875.912	285.762.484
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.392.956.975	4.962.381
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	12.005.488.730	11.082.140.080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	194.979.120	388.353.710
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.153.045.000</b>	<b>3.669.229.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	7.153.045.000	3.669.229.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>40.068.762.221</b>	<b>45.792.310.935</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>40.068.762.221</b>	<b>45.792.310.935</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28.500.000.000	28.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.060.731.815	7.776.519.735
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.508.030.406	9.515.791.200
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	9.515.791.200
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.508.030.406	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>82.713.746.392</b>	<b>78.403.796.004</b>

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.404.838.624	54.354.105.378
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.194.662.943	1.798.860.998
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.210.175.681	52.555.244.380
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	40.510.645.947	27.002.308.718
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.699.529.734	25.552.935.662
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	50.164.718	389.186.192
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	659.111.518	323.943.345
Trong đó: chi phí lãi vay	23		294.839.012	168.309.116
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	23.063.947.680	19.339.153.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.328.098.108	2.407.846.632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.698.537.146	3.871.178.288
11. Thu nhập khác	31	VI.8	15.000.000	6.960.466
12. Chi phí khác	32	VI.9	4.730.585	6.511.000
13. Lợi nhuận khác	40		10.269.415	449.466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.708.806.561	3.871.627.754
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	200.776.155	195.572.985
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.508.030.406</u>	<u>3.676.054.769</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.055</u>	<u>1.108</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.708.806.561	3.871.627.754	
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.251.873.191	1.733.390.944	
- Các khoản dự phòng	03	V.5	469.427.238	(169.188.598)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	260.987.545	87.527.002	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(308.965.160)	
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	294.839.012	168.309.116
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.985.933.547	5.382.701.058	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.884.402.385)	(1.833.063.552)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.056.926.999	967.643.049	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.431.844.389	2.794.449.481	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	116.624.359	(80.610.597)	
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(286.463.447)	(112.018.783)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(173.465.703)	(188.706.785)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.444.953.710)	(626.500.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.802.044.049</b>	<b>6.303.893.871</b>	
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(4.341.089.670)	(9.156.320.153)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.406.666.667	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	308.965.160	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.341.089.670)</b>	<b>(6.440.688.326)</b>	

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	20.612.552.848	12.325.085.700	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.16a	(16.477.106.538)	(7.943.362.427)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.627.919.939)	(6.731.440.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(492.473.629)</b>	<b>(2.349.716.727)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>968.480.750</b>	<b>(2.486.511.182)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>7.146.535.931</b>	<b>7.843.834.559</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.847.718	177.986	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70 V.1</b>	<b>8.116.864.399</b>	<b>5.357.501.363</b>	

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn và dịch vụ vận chuyển.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, mua bán, bán lẻ sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại.
- Khai thác đá, cát, sỏi đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 97 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 96 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Tài sản cố định khác	6

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền khai thác mỏ*

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

#### *Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)*

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **11. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 19. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.053.748.980	563.501.655
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.063.115.419	6.583.034.276
<b>Cộng</b>	<b><u>8.116.864.399</u></b>	<b><u>7.146.535.931</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>18.369.140.690</b>	<b>13.936.921.621</b>
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	7.336.721.877	5.501.587.700
Các khách hàng khác	11.032.418.813	8.435.333.921
<b>Cộng</b>	<b><u>18.369.140.690</u></b>	<b><u>13.936.921.621</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	3.139.222.000	10.175.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 250 Phú Quý	965.985.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.173.237.000	10.175.000
<b>Cộng</b>	<b>3.139.222.000</b>	<b>10.175.000</b>

#### 4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.547.493.089	-	227.252.075	-
Tạm ứng cho CBCNV	1.392.981.188	-	94.766.304	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	154.511.901	-	132.485.771	-
<b>Cộng</b>	<b>1.547.493.089</b>	<b>-</b>	<b>227.252.075</b>	<b>-</b>

#### 5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>					
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.159.824.125	690.396.887	-	-
Công ty TNHH Hóa Chất DSH	Từ 01 đến 02 năm	607.400.000	303.700.000	-	-
Công ty TNHH Thuận Lợi	6 tháng đến dưới 01 năm	552.424.125	386.696.887	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1.159.824.125</b>	<b>690.396.887</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	469.427.238	-	469.427.238
Số cuối kỳ	<b>469.427.238</b>	<b>-</b>	<b>469.427.238</b>

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.805.086.103	-	6.650.833.271	-
Công cụ, dụng cụ	134.389.634	-	436.015.365	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	726.350.175	-	1.106.415.425	-
Thành phẩm	2.680.596.243	-	4.419.079.959	-
Hàng hóa	265.332.179	-	56.337.313	-
<b>Cộng</b>	<b>7.611.754.334</b>	<b>-</b>	<b>12.668.681.333</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	85.417.902	2.057.258
Công cụ dụng cụ	83.712.621	111.611.429
Chi phí sửa chữa	33.780.761	102.712.742
Chi phí vận chuyển	162.579.634	112.772.741
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	94.417.652	-
<b>Cộng</b>	<b>459.908.570</b>	<b>329.154.170</b>

##### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	692.719.749	852.421.243
Chi phí sửa chữa	74.447.506	145.255.456
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.493.375	31.362.690
<b>Cộng</b>	<b>781.660.630</b>	<b>1.029.039.389</b>

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	15.791.821.005	38.197.714.027	3.238.900.052	42.151.480	57.270.586.564
Mua trong kỳ	-	-	375.727.273	38.181.818	413.909.091
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.791.821.005</b>	<b>38.197.714.027</b>	<b>3.614.627.325</b>	<b>80.333.298</b>	<b>57.684.495.655</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	621.120.453	731.660.229	667.558.250	42.151.481	2.062.490.413
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.815.007.936	14.887.236.746	1.427.854.252	42.151.480	21.172.250.414
Khấu hao trong kỳ	526.626.312	1.517.521.971	179.948.715	212.121	2.224.309.119
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.341.634.248</b>	<b>16.404.758.717</b>	<b>1.607.802.967</b>	<b>42.363.601</b>	<b>23.396.559.533</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.976.813.069	23.310.477.281	1.811.045.800	-	36.098.336.150
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.450.186.757</b>	<b>21.792.955.310</b>	<b>2.006.824.358</b>	<b>37.969.697</b>	<b>34.287.936.122</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.738.854.701 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.102.562.919	31.818.182	1.134.381.101
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.102.562.919</b>	<b>31.818.182</b>	<b>1.134.381.101</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	31.818.182	31.818.182
Chờ thanh lý			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	385.897.008	31.818.182	417.715.190
Khấu hao trong kỳ	27.564.072	-	27.564.072
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>413.461.080</b>	<b>31.818.182</b>	<b>445.279.262</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	716.665.911	-	716.665.911
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>689.101.839</b>	<b>-</b>	<b>689.101.839</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>			
- Kho chứa vật liệu	112.045.818	-	112.045.818
- Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	1.963.024.545
- Dự án mỏ đá Châu Hồng	1.863.636.364	1.136.061.000	2.999.697.364
- Dây chuyền nghiền đá	-	2.791.119.579	2.791.119.579
<b>Cộng</b>	<b>3.938.706.727</b>	<b>3.927.180.579</b>	<b>7.865.887.306</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>16.133.930.740</b>	<b>13.066.006.877</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu tại Nghệ An	3.057.440.000	-
Công ty Cổ phần Nhật Việt	2.823.574.849	4.320.144.849
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đông Á	2.369.907.220	767.617.755
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	1.659.030.394	1.137.026.815
Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Trung Liên	1.623.474.200	566.542.010
Các nhà cung cấp khác	4.600.504.077	6.274.675.448
<b>Cộng</b>	<b>16.133.930.740</b>	<b>13.066.006.877</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>205.726.500</b>	<b>42.500.000</b>
Euro Ceramics Limited	205.726.500	-
Các khách hàng khác	-	42.500.000
<b>Cộng</b>	<b>205.726.500</b>	<b>42.500.000</b>

### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	158.785.246	(158.785.246)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.194.662.943	(1.205.077.924)	10.414.981	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	88.567.741	200.776.155	(173.465.703)	-	115.878.193
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.905.000	247.047.479	(18.246.479)	-	230.706.000
Thuế tài nguyên	-	57.877.785	227.271.735	(264.598.605)	-	20.550.915
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	27.853.890	1.354.571.490	(1.375.248.870)	-	7.176.510
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>176.204.416</b>	<b>3.386.115.048</b>	<b>(3.198.422.827)</b>	<b>10.414.981</b>	<b>374.311.618</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Với hoạt động sản xuất, mua bán bột đá siêu mịn (hoạt động chính), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi). Với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.708.806.561	3.871.627.754
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	83.062.899	39.831.956

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí không hợp lệ	41.072.230	10.485.000
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	52.820.039	49.740.742
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	(10.829.370)	(20.393.786)
Thu nhập chịu thuế	3.791.869.460	3.911.459.710
Hoạt động chính	3.726.088.980	3.911.459.710
Hoạt động khác	65.780.480	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>387.080.604</b>	<b>391.145.971</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>(186.304.449)</b>	<b>(195.572.986)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>200.776.155</b>	<b>195.572.985</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá học trắng

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	563.875.912	285.762.484
Chi phí lãi vay phải trả	65.421.197	57.045.632
Chi phí vận chuyển phục vụ bán hàng	355.930.000	180.781.818
Tiền thuê đất, chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá	98.367.750	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	44.156.965	47.935.034
<b>Cộng</b>	<b>563.875.912</b>	<b>285.762.484</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>3.211.922.370</b>	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.192.000.000	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế – Phải trả khác	19.922.370	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>181.034.605</b>	<b>4.962.381</b>
Kinh phí công đoàn	5.102.550	-
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	1.155.510	-
Cổ tức phải trả	160.080.061	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.696.484	4.962.381
<b>Cộng</b>	<b><u>3.392.956.975</u></b>	<b><u>4.962.381</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>12.005.488.730</b>	<b>12.005.488.730</b>	<b>11.082.140.080</b>	<b>11.082.140.080</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.258.288.730	10.258.288.730	9.372.540.080	9.372.540.080
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.447.277.000	5.447.277.000	6.850.880.080	6.850.880.080
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	2.521.660.000	2.521.660.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	4.811.011.730	4.811.011.730	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.747.200.000	1.747.200.000	1.709.600.000	1.709.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.005.488.730</u></b>	<b><u>12.005.488.730</u></b>	<b><u>11.082.140.080</u></b>	<b><u>11.082.140.080</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Tăng do đánh giá CLTG cuối kỳ</u>		<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Tăng/giảm do CLTG phát sinh</u>		<u>Số cuối kỳ</u>
			<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>		<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.372.540.080	17.209.051.030	153.419.340	-	(16.477.106.538)	384.818	-	10.258.288.730
Vay dài hạn đến hạn trả	1.709.600.000	-	37.600.000	-	-	-	-	1.747.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.082.140.080</u></b>	<b><u>17.209.051.030</u></b>	<b><u>191.019.340</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(16.477.106.538)</u></b>	<b><u>384.818</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>12.005.488.730</u></b>

**16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư xây dựng dây chuyền chế biến bột đá trắng siêu mịn trắng phủ và dây chuyền nghiền đĩa, với lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất ưu đãi của VCB Trung Đô đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu và được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.747.200.000	1.709.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.153.045.000	3.669.229.000
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.900.245.000</u></b>	<b><u>5.378.829.000</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.669.229.000	1.406.132.500
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	3.403.117.000	5.755.295.000
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	80.699.000	63.532.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>7.153.045.000</u></b>	<b><u>7.224.960.000</u></b>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	388.353.710	951.579.120	(1.144.953.710)	194.979.120
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	300.000.000	(300.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>388.353.710</u></b>	<b><u>1.251.579.120</u></b>	<b><u>(1.444.953.710)</u></b>	<b><u>194.979.120</u></b>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	28.500.000.000	6.965.256.839	9.768.069.884	45.233.326.723
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	3.676.054.769	3.676.054.769
Trích lập các quỹ kỳ trước	-	811.262.896	(1.788.069.884)	(976.806.988)
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b><u>28.500.000.000</u></b>	<b><u>7.776.519.735</u></b>	<b><u>3.676.054.769</u></b>	<b><u>39.952.574.504</u></b>
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	7.776.519.735	9.515.791.200	45.792.310.935
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.508.030.406	3.508.030.406
Trích lập các quỹ	-	284.212.080	(1.535.791.200)	(1.251.579.120)
Chia cổ tức	-	-	(7.980.000.000)	(7.980.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b><u>28.500.000.000</u></b>	<b><u>8.060.731.815</u></b>	<b><u>3.508.030.406</u></b>	<b><u>40.068.762.221</u></b>

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>28.500.000.000</u></b>	<b><u>28.500.000.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.980.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	284.212.080
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi,	951.579.120
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	300.000.000

### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 19a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	35.952,42	1.888,43

#### 19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
DNTN Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát Gia Nguyễn	487.648.930	487.648.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn ATA	64.335.285	64.335.285
Công ty TNHH Hóa dược Hoàng An	245.536.227	260.536.227
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hà Bình	65.269.286	65.269.286
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh	24.889.524	24.889.524
<b>Cộng</b>	<b>1.539.208.186</b>	<b>1.554.208.186</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	14.500.571.299	2.523.619.059
Doanh thu bán thành phẩm	57.804.028.280	51.830.486.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	100.239.045	-
<b>Cộng</b>	<b>72.404.838.624</b>	<b>54.354.105.378</b>

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản thuế xuất khẩu.

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.258.207.658	1.692.598.601
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.217.979.724	25.309.710.117
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	34.458.565	-
<b>Cộng</b>	<b>40.510.645.947</b>	<b>27.002.308.718</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	308.965.160
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.538.826	11.721.949
Lãi bán ngoại tệ	11.174.110	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.451.782	68.499.083
<b>Cộng</b>	<b>50.164.718</b>	<b>389.186.192</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	294.839.012	168.309.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	76.541.214	66.827.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	260.987.545	87.527.002
Lỗ bán ngoại tệ	26.743.747	-
Chi phí tài chính khác	-	1.280.181
<b>Cộng</b>	<b>659.111.518</b>	<b>323.943.345</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	174.569.600	82.546.000
Chi phí vật liệu, bao bì	587.603.374	365.537.065
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.042.164.050	616.435.168
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.311.818	22.580.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.628.672.753	17.908.032.473
Chi phí bằng tiền khác	613.626.085	344.022.129
<b>Cộng</b>	<b>23.063.947.680</b>	<b>19.339.153.589</b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.868.452.413	1.776.417.746
Chi phí vật liệu quản lý	161.099.029	121.364.289
Chi phí đồ dùng văn phòng	67.270.477	33.076.846
Chi phí khấu hao TSCĐ	122.841.132	51.711.310
Thuế, phí và lệ phí	9.820.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	469.427.238	(169.188.598)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.709.121	312.396.323
Chi phí bằng tiền khác	315.478.698	279.068.716
<b>Cộng</b>	<b>3.328.098.108</b>	<b>2.407.846.632</b>

### 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	15.000.000	-
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	-	6.960.466
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000</b>	<b>6.960.466</b>

### 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí ủng hộ	4.500.000	-
Chi phí khác	230.585	6.511.000
<b>Cộng</b>	<b>4.730.585</b>	<b>6.511.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.508.030.406	3.676.054.769
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(500.803.041)	(517.605.477)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.007.227.365	3.158.449.292
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	2.850.000	2.850.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.055</b>	<b>1.108</b>

(\*) Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm: Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính 10% lợi nhuận sau thuế cộng số ước tính chi khen thưởng cho Ban điều hành.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.850.000	2.850.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>2.850.000</b>	<b>2.850.000</b>

#### 10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.290 VND xuống còn 1.108 VND.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	428.710.740	408.899.220
Phụ cấp	177.622.732	165.593.954
<b>Cộng</b>	<b>606.333.472</b>	<b>574.493.174</b>

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	Cổ đông nắm giữ 40% vốn

Giao dịch với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế trong kỳ:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức phải trả	3.192.000.000	3.192.000.000
Chi trả cổ tức	-	2.000.000.000
Tiền bảo hiểm, tiền thuê đất phải trả	-	216.419.840
Chi phí khai thác mỏ đá	150.882.000	-
Chi trả công nợ khác	19.922.370	239.949.510

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### *Thông tin về khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	47.401.680.589	23.808.495.092	71.210.175.681
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.401.680.589</b>	<b>23.808.495.092</b>	<b>71.210.175.681</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.215.111.521	3.849.299.798	8.064.411.319
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.756.927.373)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.307.483.946
Doanh thu hoạt động tài chính			50.164.718
Chi phí tài chính			(659.111.518)
Thu nhập khác			15.000.000
Chi phí khác			(4.730.585)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Trong nước</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(200.776.155)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>3.508.030.406</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>4.449.801.562</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>2.617.242.029</b>
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	31.743.631.459	20.811.612.921	52.555.244.380
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>31.743.631.459</b>	<b>20.811.612.921</b>	<b>52.555.244.380</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.068.929.787	4.144.852.286	6.213.782.073
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.407.846.632)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.805.935.441
Doanh thu hoạt động tài chính			389.186.192
Chi phí tài chính			(323.943.345)
Thu nhập khác			6.960.466
Chi phí khác			(6.511.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(195.572.985)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>3.676.054.769</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	-	-	<b>(9.156.320.153)</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	-	-	<b>2.038.977.893</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<b>Trong nước</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.859.580.852	2.040.132.600	17.899.713.452
Tài sản phân bổ cho bộ phận	33.585.601.830	16.869.077.771	50.454.679.601
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			14.359.353.339
<b>Tổng tài sản</b>			<b>82.713.746.392</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	205.726.500	205.726.500
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	37.913.134.047	12.675.922.468	37.913.134.046
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.526.123.625
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>42.644.984.171</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>13.936.921.621</u>	-	13.936.921.621
Tài sản phân bổ cho bộ phận	<u>37.096.290.189</u>	<u>16.326.099.932</u>	53.422.390.121
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>11.044.484.262</u>
<b>Tổng tài sản</b>			<b><u>78.403.796.004</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>42.500.000</u>	-	42.500.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	<u>22.021.865.599</u>	<u>9.691.836.479</u>	31.713.702.078
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>855.282.991</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b><u>32.611.485.069</u></b>

### Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn.
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn	<u>71.109.936.636</u>	<u>52.555.244.380</u>
Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	<u>100.239.045</u>	-
<b>Cộng</b>	<b><u>71.210.175.681</u></b>	<b><u>52.555.244.380</u></b>

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	132.485.771	94.766.304	227.252.075	
Tài sản ngắn hạn khác	155	94.766.304	(94.766.304)	-	
Tài sản cố định	220	40.753.708.788	(3.938.706.727)	36.815.002.061	
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	3.938.706.727	3.938.706.727	
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.745.849.620	2.030.670.115	7.776.519.735	(*)

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(\*) Quỹ đầu tư phát triển

Các điều chỉnh bao gồm: Bỏ chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính” số tiền 2.030.670.115 VND trên Số liệu trước điều chỉnh, cộng gộp vào chỉ tiêu “Quỹ đầu tư phát triển” mã số 418 trên số liệu sau điều chỉnh.

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.116.864.399	-	8.116.864.399
Phải thu khách hàng	17.209.316.565	1.159.824.125	18.369.140.690
Các khoản phải thu khác	30.473.981	-	30.473.981
<b>Cộng</b>	<b>25.356.654.945</b>	<b>1.159.824.125</b>	<b>26.516.479.070</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.146.535.931	-	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	13.936.921.621	-	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	32.683.981	-	32.683.981
<b>Cộng</b>	<b>21.116.141.533</b>	-	<b>21.116.141.533</b>

##### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	12.005.488.730	7.153.045.000	-	19.158.533.730
Phải trả người bán	16.133.930.740	-	-	16.133.930.740
Các khoản phải trả khác	3.950.574.827	-	-	3.950.574.827
<b>Cộng</b>	<b>32.089.994.297</b>	<b>7.153.045.000</b>	-	<b>39.243.039.297</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	11.082.140.080	3.669.229.000	-	14.751.369.080
Phải trả người bán	13.066.006.877	-	-	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	290.724.865	-	-	290.724.865
<b>Cộng</b>	<b>24.438.871.822</b>	<b>3.669.229.000</b>	-	<b>28.108.100.822</b>

Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND,

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.952,42	1.888,43
Phải thu khách hàng	93.670,00	-
Vay và nợ	(669.334,00)	(690.284,00)
Phải trả người bán	(141,00)	(141,00)
Các khoản phải trả khác	(2.698,36)	-
<b>(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(542.550,94)</b>	<b>(688.536,57)</b>

Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chỉ liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(4.539.178.000)	(669.334,00)	-	(690.284,00)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(4.539.178.000)</b>	<b>(669.334,00)</b>	<b>-</b>	<b>(690.284,00)</b>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

### Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

002  
NH  
TY  
HỮU  
TƯ  
C  
NỘI  
TP.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.116.864.399	7.146.535.931	8.116.864.399	7.146.535.931
Phải thu khách hàng	18.369.140.690	13.936.921.621	17.899.713.452	13.936.921.621
Các khoản phải thu khác	30.473.981	32.683.981	30.473.981	32.683.981
<b>Cộng</b>	<b>26.516.479.070</b>	<b>21.116.141.533</b>	<b>26.047.051.832</b>	<b>21.116.141.533</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	19.158.533.730	14.751.369.080	19.158.533.730	14.751.369.080
Phải trả người bán	16.133.930.740	13.066.006.877	16.133.930.740	13.066.006.877
Các khoản phải trả khác	3.950.574.827	290.724.865	3.950.574.827	290.724.865
<b>Cộng</b>	<b>39.243.039.297</b>	<b>28.108.100.822</b>	<b>39.243.039.297</b>	<b>28.108.100.822</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ ngắn hạn.

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Luu Thi Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

